

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1964. Trú tại: Số 475 Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1987. Trú tại: Số 341 Đào Duy Từ, thành phố K, tỉnh K

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Lê Văn T trả cho bà Huỳnh Thị Tr số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Phương thức và thời gian trả nợ: Trả một lần vào ngày **15/11/2021**.

+Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Đến hạn trả nợ như đã thoả thuận và bà Huỳnh Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn T phải chịu 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại bà Huỳnh Thị Tr 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005050 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSNDTP K;
- Chi cục THADS TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MAI THỊ THU